TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP.TĐ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – H phúc**

Bản án số: 257/2023/DS-ST
Ngày: 15-02-2023
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.TĐ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 760/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8884/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà VTNH- Sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường NVL, Phường MC, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông BVH - sinh năm: 1986 - Địa chỉ liên hệ: Số B đường HTP, phường TTĐ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Là Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền L ngày 16/6/2022 tại Văn phòng Công chứng TKV) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Bà NĐH– Sinh năm: 1979 (có mặt)

2.2 Ông HTL– Sinh năm: 1979 (có mặt)

Cùng Thường trú: Số C khối AM, chung cư HBP – TB, đường GD, tổ M, khu phố B, phường HBP, TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: P.HMM số BB đường HB, phường BTT, TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà VTNHdo ông BVHlà người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 08/10/2019, bà VTNHcó cho bà NĐHvà ông HTLvay số tiền 200.000.000đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 08/10/2019, lãi suất vay không có và việc vay tiền được L thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng Công chứng NTT. Tuy nhiên bà H và ông L vẫn không trả lại tiền vay như thỏa thuận, có thái độ không hợp tác, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Do đó, ngày 20/6/2022 bà H nộp Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP.TĐ buộc bà H và ông L trả cho bà H số tiền nợ gốc 200.000.000đồng và tiền lãi tạm tính là 20.000.000đồng.

Bị đơn, Bà NĐHtrình bày: Đầu năm 2018, bà H có vay của bà VTNHsố tiền 50.000.000đồng với lãi suất 5%/tháng, bà H đã nhận tiền mặt mà không có giấy tờ vay, chỉ có ký nhận tiền vào sổ của bà H, bà H vẫn chấp hành nghiêm chỉnh việc trả lãi hằng tháng. Sau đó đến cuối năm 2018, bà H vay thêm 50.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng; đến đầu năm 2019 và giữa năm 2019, bà H vay thêm 02 lần 50.000.000đồng, lãi suất vẫn là 5%/tháng và chỉ nhận tiền mặt, ký sổ vay nhận tiền, tổng cộng tất cả là 200.000.000đồng. Đến ngày 08/10/2019, bà H có yêu cầu bà H công chứng số tiền đã vay với lãi suất 0%, bà H đồng ý. Đến cuối tháng 11, bà H rời khỏi nơi cư trú nhưng vẫn liên lạc với bà H và xin được trả dần, bà H chỉ đồng ý cho bà H trả lãi suất như ngân hàng 1%/tháng (tức là 2.000.000đồng/tháng) và bà H đồng ý. Do cuộc sống khó khăn, dịch bệnh COVID, đến tháng 5/2022 vợ chồng bà H mới có việc làm, cuộc sống bắt đầu ổn định. Bà H đề nghị được trả số tiền nợ gốc 200.000.000đồng cho bà H với phương thức trả là mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, xin bà H miễn cho bà H tiền lãi.

Bị đơn, Ông HTLtrình bày: Ông L có biết vợ ông L là bà NĐHcó làm ăn qua lại với bà H từ năm 2018 nhưng ông L không biết rõ số tiền bà H đã mượn bà H. Đến tháng 8/2019, bà H yêu cầu vợ chồng bà H ông L công chứng khoản vay 200.000.000đồng. Như đã thỏa thuận với bà H, vợ chồng ông L đã cố gắng làm ăn để trả nợ, không có ý định chiếm đoạt số tiền của bà H. Hiện tại vợ chồng ông L vừa vào làm công ty, cuộc sống bắt đầu ổn định. Ông L đề nghị được trả số tiền nợ gốc cho bà H mỗi tháng 2.000.000đồng, xin bà H miễn cho ông L tiền lãi

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc, yêu cầu bà H ông L trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000đồng tính từ ngày 08/4/2020 đến ngày thanh toán hết số tiền nợ gốc với mức lãi suất là 10%/năm, tạm tính đến ngày

15/02/2023 là 57.550.000đồng. Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà VTNHkhởi kiện yêu cầu bà NĐHvà ông HTLtrả lại số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2019. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm bà H nộp đơn khởi kiện, bà H và ông L trú tại TP.TĐ. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Bà VTNHyêu cầu bà NĐHvà ông HTLphải trả cho bà H số tiền nợ gốc 200.000.000đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2019

Quá trình giải quyết vụ án, bà H xác nhận có vay của bà H tổng số tiền 200.000.000đồng nhưng chưa trả, ông L biết việc vay tiền của bà H đối với bà H và đồng ý ký nhận vay tiền, đề nghị cùng bà H trả tiền vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2019; bà H không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh bà H đã trả tiền lãi 5%/tháng cho bà H kể từ ngày vay và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền mà bị đơn đã trả cho bà H. Căn cứ Điều 5, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà H.

[2.2] Bà VTNHyêu cầu bà NĐHvà ông HTLphải trả cho bà H số tiền lãi của tiền nợ gốc 200.000.000đồng, mức lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 15/02/2023 là 57.550.000đồng.

Tại Đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà H ông L trả tiền lãi tạm tính 20.000.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Hoàng xác định mức lãi suất mà bà H yêu cầu bà H ông L phải trả là 10%/năm tính từ ngày 08/4/2020 đến ngày hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tính đến ngày 15/02/2023 là 57.550.000đồng. Tại Hợp

đồng vay tiền ngày 08/10/2019, bà H và bà H ông L thỏa thuận lãi suất vay 0%; thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 08/10/2019. Đối chiếu yêu cầu của bà H với khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà H.

Từ [2.1] và [2.2], tổng số tiền bà H và ông L phải trả cho bà H tính đến ngày 15/02/2023 là 257.550.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà H và ông L cùng phải chịu án phí dân sự: 257.550.000đồng x 5% = 12.877.500đồng. Bà VTNHkhông phải nộp án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.TĐ được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 và Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà VTNHlà buộc bà NĐHvà ông HTLcùng có trách nhiệm trả cho bà VTNHsố tiền nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 08/10/2019 là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 15/02/2023 là 57.550.000đ (Năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng); tổng cộng tính đến ngày 15/02/2023 là 257.550.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Việc thanh toán tiền do bà Võ Thị Như H, bà Nguyễn Đức H, ông HTLtự thực hiện hoặc được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi chậm trả tiếp tục được tính từ ngày sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực trả hết số nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà NĐHvà ông HTLcùng phải nộp án phí là 12.877.500đ (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Bà VTNHkhông phải nộp án phí; trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0028728 ngày 06/10/2022 Chi cục Thi hành án dân sự TP.TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Như H, bà NĐHvà ông HTLđược quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh